

Số: 534/QĐ-ĐHCNVT

Phủ Thọ, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Quyết định số 4573/QĐ-ĐCT, ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCNVT, ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì về việc hướng dẫn Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên các khoa: Điện, Kỹ thuật phân tích; Cơ khí - Ô tô, Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ;

Theo đề nghị của Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2022-2023 cho:

- 350 sinh viên đại học văn bằng 2 hệ chính quy khóa tuyển sinh 2020, 2021, 2022, 2023;
- 57 sinh viên đại học liên thông hệ chính quy khóa tuyển sinh 2022, 2023;
- 07 sinh viên đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh 2021.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác sinh viên và Tuyển sinh, Quản lý đào tạo; Trưởng các khoa: Điện, Kỹ thuật phân tích; Cơ khí - Ô tô, Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ; Các đơn vị liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên;
- Lưu: VT, CTSV&TS.





KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 534/QĐ-ĐHCNV, ngày 08 tháng 9 năm 2023)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	21A4802010002	Hoàng Tuấn Anh	TT1Đ21	60.0	Trung bình	
2	21A4802010040	Phùng Công Minh	TT1Đ21	60.0	Trung bình	
3	21A5103010015	Phạm Trường Giang	ĐT1Đ21	61.0	Trung bình	
4	21A5102050008	Phạm Đoàn Nhật Thiên	OT1Đ21	64.0	Trung bình	
5	21A5102050051	Trần Hồng Phú	OT2Đ21	64.0	Trung bình	
6	21A5102050034	Đinh Trung Hiếu	OT2Đ21	64.0	Trung bình	
7	21A5102050041	Phùng Duy Long	OT2Đ21	64.0	Trung bình	

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 534 /QĐ-ĐHCNVT, ngày 08 tháng 9 năm 2023)



TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	20C2202010290	Đỗ Minh Chiến	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
2	20C2202010291	Nguyễn Thị Cúc	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
3	20C2202010293	Nguyễn Văn Dương	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
4	20C2202010292	Hoàng Văn Điền	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
5	20C2202010294	Nguyễn Thị Thu Hà	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
6	20C2202010295	Nguyễn Thị Hạnh	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
7	20C2202010296	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	NNVB2-10Đ20	50.0	Trung bình	
8	20C2202010297	Nguyễn Văn Hiếu	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
9	20C2202010299	Trần Thị Thanh Hồng	NNVB2-10Đ20	90.0	Xuất sắc	
10	20C2202010301	Trần Thị Huy	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
11	20C2202010300	Nguyễn Thị Xuân Hương	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
12	20C2202010302	Nguyễn Tuấn Khánh	NNVB2-10Đ20	81.0	Tốt	
13	20C2202010303	Nguyễn Văn Khánh	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
14	20C2202010304	Phạm Văn Khiên	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
15	20C2202010305	Nguyễn Duy Linh	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
16	20C2202010306	Lê Văn Lợi	NNVB2-10Đ20	81.0	Tốt	
17	20C2202010307	Lý Hải Ly	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
18	20C2202010308	Nguyễn Công Lý	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
19	20C2202010309	Trần Thị Thuý Mai	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
20	20C2202010310	Vũ Thị Mát	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
21	20C2202010311	Nguyễn Thị Hồng Mến	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
22	20C2202010312	Hoàng Việt Nam	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
23	20C2202010313	Hoàng Thị Nguyên	NNVB2-10Đ20	90.0	Xuất sắc	
24	20C2202010314	Thái Thanh Phú	NNVB2-10Đ20	90.0	Xuất sắc	
25	20C2202010315	Nguyễn Thị Lệ Quỳnh	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
26	20C2202010316	Nguyễn Trọng Thanh	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
27	20C2202010317	Mạc Diên Thiện	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
28	20C2202010318	Hoàng Minh Thuận	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
29	20C2202010319	Đỗ Trọng Tiến	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
30	20C2202010320	Lê Thanh Tình	NNVB2-10Đ20	87.0	Tốt	
31	20C2202010321	Nguyễn Ngọc Toàn	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
32	20C2202010322	Vũ Quốc Toàn	NNVB2-10Đ20	90.0	Xuất sắc	
33	20C2202010326	Nguyễn Thanh Tuấn	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
34	20C2202010325	Nguyễn Văn Tư	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
35	20C2202010323	Nguyễn Thị Huyền Trang	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
36	20C2202010324	Phan Thị Thu Trang	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	21D2202010286	Lê Quốc	Bảo	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
38	21D2202010287	Trần Thị	Châu	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
39	21D2202010288	Phạm Minh	Chiến	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
40	21D2202010289	Lê Thành	Công	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
41	21D2202010290	Nguyễn Đình	Đặng	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
42	21D2202010291	Nguyễn Thị	Dung	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
43	21D2202010292	Giang Sơn	Hà	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
44	21D2202010293	Mai Kim	Hiếu	NNVB2-10Đ20	81.0	Tốt	
45	21D2202010294	Nguyễn Xuân	Hoà	NNVB2-10Đ20	82.0	Tốt	
46	21D2202010295	Vũ Đức	Hùng	NNVB2-10Đ20	85.0	Tốt	
47	21D2202010296	Phan Thị Thanh	Hương	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
48	21D2202010297	Nguyễn Thị	Liên	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
49	21D2202010298	Đoàn Hữu	Lương	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
50	21D2202010299	Nguyễn Huyền	Ngọc	NNVB2-10Đ20	84.0	Tốt	
51	21D2202010300	Đặng Thị	Thanh	NNVB2-10Đ20	80.0	Tốt	
52	21D2202010301	Nguyễn Thị Thu	Trang	NNVB2-10Đ20	83.0	Tốt	
53	21D2202010302	Phạm Văn	Trịnh	NNVB2-10Đ20	81.0	Tốt	
54	22D2202010173	Trần Đình	Chiến	NNVB2-5Đ21	83.5	Tốt	
55	22D2202010174	Trần Thị Minh	Đức	NNVB2-5Đ21	70.0	Khá	
56	22D2202010301	Lê Anh	Đức	NNVB2-5Đ21	78.0	Khá	
57	22D2202010175	Hoàng Thị Thu	Hà	NNVB2-5Đ21	85.0	Tốt	
58	22B2202010004	Đào Thị Tú	Hà	NNVB2-5Đ21	87.0	Tốt	
59	22D2202010176	Nguyễn Thị Bích	Huệ	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
60	22D2202010558	Nguyễn Thị	Hương	NNVB2-5Đ21	82.0	Tốt	
61	22D2202010218	Dương Thị	Liên	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
62	22B2202010005	Lê Quỳnh	Liên	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
63	22D2202010559	Lê Tiến	Linh	NNVB2-5Đ21	80.5	Tốt	
64	22D2202010302	Nguyễn Trọng	Lương	NNVB2-5Đ21	78.0	Khá	
65	22D2202010177	Cao Đăng	Nam	NNVB2-5Đ21	83.0	Tốt	
66	22D2202010178	Nguyễn Văn	Phong	NNVB2-5Đ21	86.0	Tốt	
67	22D2202010179	Nguyễn Văn	Quân	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
68	22D2202010303	Nguyễn Đức	Tâm	NNVB2-5Đ21	88.0	Tốt	
69	22D2202010300	Ngô Mạnh	Thắng	NNVB2-5Đ21	75.0	Khá	
70	22D2202010562	Đào Ngọc	Thanh	NNVB2-5Đ21	85.0	Tốt	
71	22B2202010014	Lê Phương	Thảo	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
72	22D2202010180	Đỗ Thị	Thúy	NNVB2-5Đ21	82.5	Tốt	
73	22D2202010560	Nguyễn Thị	Thủy	NNVB2-5Đ21	84.0	Tốt	
74	22D2202010181	Nguyễn Thị Hải	Vân	NNVB2-5Đ21	80.0	Tốt	
75	22B2202010006	Đinh Thị	Vân	NNVB2-5Đ21	83.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
76	22D2202010427	Hán Việt	Anh	NNVB2-3D22	84.0	Tốt	
77	22D2202010445	Lê Phong	Phú	NNVB2-3D22	86.0	Tốt	
78	22D2202010441	Triệu Thị Phương	Thảo	NNVB2-3D22	86.0	Tốt	
79	22D2202010305	Phạm Thị Ngọc	Anh	NNVB2-4Đ22	81.0	Tốt	
80	22D2202010449	Trịnh Diệu	Bình	NNVB2-4Đ22	80.0	Tốt	
81	22D2202010450	Vũ Thái	Bình	NNVB2-4Đ22	80.0	Tốt	
82	22D2202010313	Trần Minh	Đức	NNVB2-4Đ22	83.0	Tốt	
83	22D2202010314	Trần Trung	Dũng	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
84	22D2202010318	Văn Thị	Hằng	NNVB2-4Đ22	83.0	Tốt	
85	22D2202010458	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
86	22D2202010322	Nguyễn Khánh	Hòa	NNVB2-4Đ22	85.0	Tốt	
87	22D2202010325	Trần Quang	Hung	NNVB2-4Đ22	84.0	Tốt	
88	22D2202010326	Nguyễn Thị Thủy	Hương	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
89	22D2202010462	Vũ Thị	Huyền	NNVB2-4Đ22	85.0	Tốt	
90	22D2202010329	Trần Thùy	Linh	NNVB2-4Đ22	81.0	Tốt	
91	22D2202010469	Đỗ Thị	Loan	NNVB2-4Đ22	86.0	Tốt	
92	22D2202010330	Trương Quang	Long	NNVB2-4Đ22	85.0	Tốt	
93	22D2202010331	Bùi Đình	Nam	NNVB2-4Đ22	83.0	Tốt	
94	22D2202010473	Trịnh Thị	Ngọc	NNVB2-4Đ22	85.0	Tốt	
95	22D2202010474	Phùng Thị	Ngọc	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
96	22D2202010475	Vũ Thị Như	Ngọc	NNVB2-4Đ22	84.0	Tốt	
97	22D2202010333	Nguyễn Kinh	Nguyễn	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
98	22D2202010334	Ngô Hồng	Nhung	NNVB2-4Đ22	84.0	Tốt	
99	22D2202010335	Phạm Phú	Ninh	NNVB2-4Đ22	81.0	Tốt	
100	22D2202010479	Nguyễn Minh	Phương	NNVB2-4Đ22	80.0	Tốt	
101	22D2202010478	Đặng Thị Lan	Phương	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
102	22D2202010338	Nguyễn Ngọc	Tâm	NNVB2-4Đ22	86.0	Tốt	
103	22D2202010339	Phạm Hữu	Tấn	NNVB2-4Đ22	90.0	Xuất sắc	
104	22D2202010340	Phạm Thị	Thanh	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
105	22D2202010342	Hoàng Thị Hương	Thảo	NNVB2-4Đ22	85.0	Tốt	
106	22D2202010343	Phạm Phương	Thảo	NNVB2-4Đ22	80.0	Tốt	
107	22D2202010346	Nông Thị Thanh	Thúy	NNVB2-4Đ22	86.0	Tốt	
108	22D2202010348	Chu Thanh	Tuấn	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
109	22D2202010350	Nguyễn Thị Thanh	Vân	NNVB2-4Đ22	80.0	Tốt	
110	22D2202010351	Hoàng Quốc	Việt	NNVB2-4Đ22	82.0	Tốt	
111	22D2202010484	Đỗ Xuân	Vinh	NNVB2-4Đ22	84.0	Tốt	
112	22D2202010304	Kiều Phúc	An	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
113	22D2202010306	Phạm Thị Thúy	Anh	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
114	22D2202010446	Hoàng Kim	Anh	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
115	22D2202010447	Nguyễn Thị Hoài Anh	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
116	22D2202010448	Trần Thị Nguyệt Anh	NNVB2-5Đ22	92.0	Xuất sắc	
117	22D2202010451	Nguyễn Kim Bình	NNVB2-5Đ22	88.0	Tốt	
118	22D2202010486	Huỳnh Thị Giáng Châu	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
119	22D2202010307	Nguyễn Thị Kim Chi	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
120	22D2202010499	Nguyễn Thị Chính	NNVB2-5Đ22	76.0	Khá	
121	22D2202010308	Hoàng Đình Chính	NNVB2-5Đ22	77.0	Khá	
122	22D2202010452	Hoàng Mạnh Cường	NNVB2-5Đ22	77.0	Khá	
123	22D2202010310	Phạm Quang Đạt	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
124	22D2202010311	Trần Quốc Đạt	NNVB2-5Đ22	84.0	Tốt	
125	22D2202010309	Nguyễn Doãn Đạt	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
126	22D2202010453	Ma Thị Ngọc Diệp	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
127	22D2202010487	Đặng Hoài Đức	NNVB2-5Đ22	75.0	Khá	
128	22D2202010454	Quách Thị Dung	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
129	22D2202010315	Trịnh Thùy Dương	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
130	22D2202010455	Hà Châu Giang	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
131	22D2202010316	Khuong Văn Giáp	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
132	22D2202010456	Đào Thị Thu Hà	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
133	22D2202010457	Lê Quang Hà	NNVB2-5Đ22	91.0	Xuất sắc	
134	22D2202010317	Nguyễn Văn Hải	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
135	22D2202010320	Ninh Thị Hồng Hạnh	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
136	22D2202010320	Phạm Hồng Hạnh	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
137	22D2202010459	Ngô Thị Thu Hiền	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
138	22D2202010321	Bùi Văn Hiếu	NNVB2-5Đ22	92.0	Xuất sắc	
139	22D2202010488	Nguyễn Thị Thanh Hoa	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
140	22D2202010323	Phạm Ngọc Hòa	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
141	22D2202010324	Ngô Thị Hồng	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
142	22D2202010460	Lê Thị Huệ	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
143	22D2202010490	Phạm Tiến Hưng	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
144	22D2202010327	Phạm Thị Thu Hương	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
145	22D2202010461	Đoàn Diệu Hương	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
146	22D2202010485	Nguyễn Thu Hương	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
147	22D2202010500	Trần Đình Khải	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
148	22D2202010464	Ngô Bá Kiên	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
149	22D2202010465	Phan Tuấn Kiệt	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
150	22D2202010466	Trương Thị Hương Lan	NNVB2-5Đ22	92.0	Xuất sắc	
151	22D2202010467	Hoàng Thị Kim Liên	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
152	22D2202010468	Nguyễn Thị Liên	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
153	22D2202010470	Nguyễn Thành Lợi	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
154	22D2202010471	Doãn Thị	Lý	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
155	22D2202010472	Nguyễn Quang	Mạnh	NNVB2-5Đ22	91.0	Xuất sắc	
156	22B2202010018	Lưu Thị Vân	Nga	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
157	22D2202010493	Nguyễn Lê Kim	Ngân	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
158	22D2202010332	Hoàng Trọng	Ngọc	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
159	22D2202010476	Phan Minh	Ngọc	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
160	22D2202010477	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
161	22D2202010494	Phí Thị	Nhung	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
162	22D2202010495	Nguyễn Tuấn	Phong	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
163	22B2202010019	Lê Diệu	Quỳnh	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
164	22D2202010496	Cao Văn	Thắng	NNVB2-5Đ22	77.0	Khá	
165	22D2202010341	Trần Ngọc	Thanh	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
166	22D2202010497	Trần Huyền	Thanh	NNVB2-5Đ22	85.0	Tốt	
167	22D2202010480	Trần Minh	Thiện	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
168	22D2202010482	Nguyễn Trọng	Thủy	NNVB2-5Đ22	82.0	Tốt	
169	22B2202010016	Hoàng Thị	Trang	NNVB2-5Đ22	80.0	Tốt	
170	22D2202010347	Vũ Thị	Trang	NNVB2-5Đ22	92.0	Xuất sắc	
171	22D2202010483	Nguyễn Đình	Trọng	NNVB2-5Đ22	83.0	Tốt	
172	22D2202010349	Nguyễn Thanh	Tùng	NNVB2-5Đ22	87.0	Tốt	
173	22D2202010498	Lương Phan Lâm	Vũ	NNVB2-5Đ22	81.0	Tốt	
174	22D2202010481	Ngô Thị	Thu	NNVB2-5Đ22	60.0	Trung bình	
175	22D2202010489	Đỗ Đức	Hòa	NNVB2-5Đ22	60.0	Trung bình	
176	22D2202010501	Nguyễn Đoàn Hữu	Anh	NNVB2-7Đ22	57.0	Trung bình	
177	22D2202010353	Phạm Thái	Bảo	NNVB2-7Đ22	75.0	Khá	
178	22D2202010352	Nguyễn Thanh	Bằng	NNVB2-7Đ22	70.0	Khá	
179	22D2202010506	Đinh Văn	Cảnh	NNVB2-7Đ22	85.0	Tốt	
180	22D2202010502	Nguyễn Đức	Cảnh	NNVB2-7Đ22	87.0	Tốt	
181	22D2202010503	Nguyễn Đình	Danh	NNVB2-7Đ22	80.0	Tốt	
182	22D2202010356	Nguyễn Tiến	Dũng	NNVB2-7Đ22	82.0	Tốt	
183	22D2202010357	Phạm Ngân	Giang	NNVB2-7Đ22	80.0	Tốt	
184	22D2202010360	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	NNVB2-7Đ22	78.0	Khá	
185	22D2202010361	Ngô Thị Kim	Khánh	NNVB2-7Đ22	83.0	Tốt	
186	22D2202010509	Trần Đức	Kiên	NNVB2-7Đ22	80.0	Tốt	
187	22D2202010507	Nguyễn Sơn	Lâm	NNVB2-7Đ22	88.0	Tốt	
188	22D2202010364	Nguyễn Duy	Linh	NNVB2-7Đ22	85.0	Tốt	
189	22D2202010365	Lê Đức	Mạnh	NNVB2-7Đ22	80.0	Tốt	
190	22D2202010366	Nguyễn Thị Quốc	Minh	NNVB2-7Đ22	82.5	Tốt	
191	22D2202010505	Nguyễn Văn	Minh	NNVB2-7Đ22	84.0	Tốt	
192	22D2202010367	Nguyễn Trà	My	NNVB2-7Đ22	75.0	Khá	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
193	22D2202010368	Sĩ Hồng	Nam	NNVB2-7Đ22	80.0	Tốt	
194	22D2202010371	Phạm Ngọc	Nhơn	NNVB2-7Đ22	56.0	Trung bình	
195	22D2202010508	Đỗ Thụy Diễm	Quyên	NNVB2-7Đ22	75.0	Khá	
196	22D2202010375	Nguyễn Thanh	Sơn	NNVB2-7Đ22	65.0	Khá	
197	22D2202010376	Nguyễn Tiếp	Tân	NNVB2-7Đ22	60.0	Trung bình	
198	22D2202010504	Trần Quốc	Thành	NNVB2-7Đ22	78.0	Khá	
199	22D2202010510	Nguyễn Thị Thu	Thảo	NNVB2-7Đ22	85.0	Tốt	
200	22D2202010377	Lê Đức	Thuận	NNVB2-7Đ22	82.0	Tốt	
201	22D2202010380	Trần Văn	Trung	NNVB2-7Đ22	84.0	Tốt	
202	22D2202010382	Võ Duy	Tuấn	NNVB2-7Đ22	57.0	Trung bình	
203	22D2202010383	Lê Tiến	Vũ	NNVB2-7Đ22	84.0	Tốt	
204	23D2202010155	Nguyễn Huy	Bách	NNVB2-1Đ23	78.5	Khá	
205	23D2202010156	Đinh Hạnh	Chi	NNVB2-1Đ23	70.0	Khá	
206	23D2202010157	Trần Thu	Giang	NNVB2-1Đ23	85.0	Tốt	
207	23D2202010158	Trần Thị Bích	Hằng	NNVB2-1Đ23	87.0	Tốt	
208	23D2202010159	Nguyễn Thị Phương	Hoa	NNVB2-1Đ23	87.0	Tốt	
209	23D2202010160	Trịnh Thị	Hoa	NNVB2-1Đ23	80.0	Tốt	
210	23D2202010161	Nguyễn Xuân	Huân	NNVB2-1Đ23	82.0	Tốt	
211	23D2202010162	Nguyễn Quang	Huy	NNVB2-1Đ23	56.0	Trung bình	
212	23D2202010163	Tạ Thu	Huyền	NNVB2-1Đ23	80.0	Tốt	
213	23D2202010164	Nguyễn Hương	Lan	NNVB2-1Đ23	83.0	Tốt	
214	23D2202010165	Nguyễn Thị	Lan	NNVB2-1Đ23	90.0	Xuất sắc	
215	23D2202010166	Hoàng Thị	Linh	NNVB2-1Đ23	83.0	Tốt	
216	23D2202010167	Nguyễn Ngọc	Linh	NNVB2-1Đ23	86.0	Tốt	
217	23D2202010168	Nguyễn Tuấn	Linh	NNVB2-1Đ23	56.0	Trung bình	
218	23D2202010169	Nguyễn Thị	Loan	NNVB2-1Đ23	88.0	Tốt	
219	23D2202010170	Trần Ngọc	Luân	NNVB2-1Đ23	75.0	Khá	
220	23D2202010171	Ban Thị	Mai	NNVB2-1Đ23	85.0	Tốt	
221	23D2202010172	Lê Thị Thanh	Mai	NNVB2-1Đ23	80.0	Tốt	
222	23D2202010173	Đặng Văn	Minh	NNVB2-1Đ23	54.0	Trung bình	
223	23D2202010174	Hoàng Thị Bình	Minh	NNVB2-1Đ23	92.0	Xuất sắc	
224	23D2202010175	Lê Thanh	Nghị	NNVB2-1Đ23	65.0	Khá	
225	23D2202010176	Vũ Văn	Ngọc	NNVB2-1Đ23	75.0	Khá	
226	23D2202010177	Lê Thị	Nhận	NNVB2-1Đ23	85.0	Tốt	
227	23D2202010178	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	NNVB2-1Đ23	87.0	Tốt	
228	23D2202010179	Tạ Thị Hồng	Nhung	NNVB2-1Đ23	88.0	Tốt	
229	23D2202010180	Phạm Ngô Thùy	Ninh	NNVB2-1Đ23	53.0	Trung bình	
230	23D2202010181	Nguyễn Ngọc	Sơn	NNVB2-1Đ23	95.0	Xuất sắc	
231	23D2202010182	Nguyễn Việt	Thái	NNVB2-1Đ23	50.0	Trung bình	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
232	23D2202010183	Phạm Đức Thắng	NNVB2-1Đ23	75.0	Khá	
233	23D2202010184	Trịnh Quyết Thắng	NNVB2-1Đ23	81.0	Tốt	
234	23D2202010185	Đặng Xuân Tiến	NNVB2-1Đ23	83.0	Tốt	
235	23D2202010186	Nguyễn Bá Tú	NNVB2-1Đ23	76.0	Khá	
236	23D2202010187	Cao Văn Tuấn	NNVB2-1Đ23	78.0	Khá	
237	23D2202010188	Nguyễn Anh Tuấn	NNVB2-1Đ23	80.0	Tốt	
238	23D2202010189	Đặng Minh Vi	NNVB2-1Đ23	84.0	Tốt	
239	23B2202010002	Hoàng Thị Thu Trang	NNVB2-1Đ23	88.0	Tốt	
240	23D2202010045	Trần Thùy Dương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
241	23D2202010046	Cao Thị Hà	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
242	23D2202010047	Nguyễn Văn Ngọ	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
243	23D2202010048	Hồ Thị Xuân Thanh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
244	23D2202010049	Ma Thế Trung	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
245	23D2202010050	Dương Bảo Châu	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
246	23D2202010051	Nguyễn Đào Đức Duy	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
247	23D2202010052	Nguyễn Thanh Lâm	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
248	23D2202010053	Đỗ Thị Thanh Bình	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
249	23D2202010054	Vũ Thị Chanh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
250	23D2202010055	Nguyễn Văn Chiêu	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
251	23D2202010056	Nguyễn Thị Cúc	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
252	23D2202010057	Vũ Văn Đàm	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
253	23D2202010058	Vũ Thị Diệp	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
254	23D2202010059	Nguyễn Thị Dung	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
255	23D2202010060	Nguyễn Tuấn Dũng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
256	23D2202010061	Phạm Vũ Ánh Dương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
257	23D2202010062	Khuất Hương Giang	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
258	23D2202010063	Đỗ Hồng Hải	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
259	23D2202010064	Mai Thanh Hằng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
260	23D2202010065	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
261	23D2202010066	Trần Thị Hiên	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
262	23D2202010067	Phùng Thị Hiên	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
263	23D2202010068	Vũ Thị Thu Hiên	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
264	23D2202010069	Lê Thị Hòa	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
265	23D2202010070	Phan Thị Thúy Hoàn	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
266	23D2202010071	Nguyễn Ánh Hồng	NNVB2-2Đ23	90.0	Xuất sắc	
267	23D2202010072	Hoàng Thị Huệ	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
268	23D2202010073	Hoàng Yến Hương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
269	23D2202010074	Hoàng Thị Hường	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
270	23D2202010075	Trịnh Quốc Huy	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
271	23D2202010076	Nguyễn Đức	Kính	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
272	23D2202010077	Lê Văn	Linh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
273	23D2202010078	Hoàng Phương	Mai	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
274	23D2202010079	Phạm Quang	Mạnh	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
275	23D2202010080	Nguyễn Thị Hồng	Minh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
276	23D2202010081	Phạm Thị	Mỹ	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
277	23D2202010082	Hà Thị Thanh	Nga	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
278	23D2202010083	Trần Thu	Nga	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
279	23D2202010084	Nguyễn Thị	Ngân	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
280	23D2202010085	Đỗ Thị	Ngọc	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
281	23D2202010086	Dương Thị	Nhài	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
282	23D2202010087	Phạm Thị Thanh	Nhân	NNVB2-2Đ23	90.0	Xuất sắc	
283	23D2202010088	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
284	23D2202010089	Nguyễn Thị	Phương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
285	23D2202010090	Phạm Hương	Quỳnh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
286	23D2202010091	Hoàng Công	Thắng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
287	23D2202010092	Phạm Thị Mai	Thi	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
288	23D2202010093	Nguyễn Ngọc	Thoa	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
289	23D2202010094	Nguyễn Thị Hoài	Thu	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
290	23D2202010095	Trần Hà	Thư	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
291	23D2202010096	Hà Văn	Thủy	NNVB2-2Đ23	90.0	Xuất sắc	
292	23D2202010098	Phạm Thị	Tươi	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
293	23D2202010097	Nguyễn Thị Thùy	Trang	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
294	23D2202010099	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
295	23D22020100100	Nguyễn Thị Hải	Vân	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
296	23D22020100101	Trần Thị Hồng	Vân	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
297	23D22020100102	Nguyễn Đức	Toàn	NNVB2-2Đ23	30.0	Kém	
298	23D2202010278	Nguyễn Thị Phương	Anh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
299	23D2202010279	Trần Thị Lan	Anh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
300	23D2202010280	Hoàng Linh	Chi	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
301	23D2202010281	Nguyễn Hữu	Chỉnh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
302	23D2202010282	Trần Bích	Diệp	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
303	23D2202010283	Đặng Đình	Đức	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
304	23D2202010284	Lương Thị	Dung	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
305	23D2202010285	Ngô Thị	Dung	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
306	23D2202010286	Vũ Thị Mai	Duyên	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
307	23D2202010287	Mạc Thị	Hằng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
308	23D2202010288	Vũ Thúy	Hiền	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
309	23D2202010289	Vũ Ngọc	Hoàng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
310	23D2202010290	Đặng Thị Mai	Hương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
311	23D2202010291	Nguyễn Thị	Hương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
312	23D2202010292	Hoàng Thu	Huyền	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
313	23D2202010293	Nguyễn Thị Hồng	Loan	NNVB2-2Đ23	90.0	Xuất sắc	
314	23D2202010294	Lê Thị Minh	Ngọc	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
315	23D2202010295	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
316	23D2202010296	Trần Thị	Ngọc	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
317	23D2202010297	Nguyễn Thị	Nguyệt	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
318	23D2202010298	Ngô Thị	Oanh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
319	23D2202010299	Ngô Phạm Nam	Phương	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
320	23D2202010300	Trần Như	Quyết	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
321	23D2202010301	Đặng Thu	Quỳnh	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
322	23D2202010302	Nguyễn Chiến	Thắng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
323	23D2202010303	Phạm Thị	Thảo	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
324	23D2202010304	Đỗ Thị	Thơ	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
325	23D2202010305	Nguyễn Quỳnh	Trang	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
326	23D2202010306	Phan Thị Thu	Trang	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
327	23D2202010307	Đặng Văn	Tùng	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
328	23D2202010308	Phạm Thị Thùy	Vân	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
329	23D2202010309	Lê Thị Thanh	Xuân	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
330	23D2202010310	Đỗ Văn	Thới	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
331	23D2202010311	Nguyễn Thị	Thùy	NNVB2-2Đ23	80.0	Tốt	
332	23D2202010001	Đào Quang	Anh	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
333	23D2202010002	Trần Phương	Chinh	NNVB2-4Đ23	88.0	Tốt	
334	23D2202010003	Trần Minh	Hằng	NNVB2-4Đ23	88.0	Tốt	
335	23D2202010004	Trương Đức	Hiếu	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
336	23D2202010005	Bùi Khắc	Khánh	NNVB2-4Đ23	88.0	Tốt	
337	23D2202010006	Đỗ Mỹ	Linh	NNVB2-4Đ23	84.0	Tốt	
338	23D2202010007	Lê Ngọc	Nam	NNVB2-4Đ23	85.0	Tốt	
339	23D2202010008	Nguyễn Thanh	Phú	NNVB2-4Đ23	80.0	Tốt	
340	23D2202010009	Lê Văn	Quý	NNVB2-4Đ23	84.0	Tốt	
341	23D2202010010	Nguyễn Đức	Thịnh	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
342	23D2202010012	Nguyễn Xuân	Tùng	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
343	23D2202010013	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	NNVB2-4Đ23	88.0	Tốt	
344	23D2202010190	Vũ Thị	Liên	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
345	23D2202010191	Nguyễn Đức	Mạnh	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
346	23D2202010192	Tạ Văn	Tuấn	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
347	23D2202010193	Hán Văn	Thắng	NNVB2-4Đ23	86.0	Tốt	
348	23D2202010194	Trịnh Anh	Toan	NNVB2-4Đ23	84.0	Tốt	



TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
349	23B2202019001	Nguyễn Thị Thu Hằng	NNVB2-4Đ23	85.0	Tốt	
350	23D2202010011	Nguyễn Hạnh Trinh	NNVB2-4Đ23	0.0	Kém	

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 534/QĐ-ĐHCNV, ngày 08 tháng 9 năm 2023)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	22B4401120001	Nguyễn Đình Ánh	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
2	22B4401120014	Đỗ Thị Đàm	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
3	22B4401120019	Mai Thị Hiền	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
4	22D4401120002	Trần Thị Thu Hiền	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
5	22B4401120004	Vũ Mạnh Hùng	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
6	22B4401120018	Đoàn Thị Thanh Huyền	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
7	22B4401120008	Ngô Văn Huynh	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
8	22B4401120015	Vũ Thị Loan	PTLT1Đ22	90.0	Xuất sắc	
9	22B4401120005	Phạm Thị Nga	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
10	22B3403010030	Đào Đức Nguyên	PTLT1Đ22	94.0	Xuất sắc	
11	22B4401120016	Phạm Thị Phương	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
12	22B4401120007	Mai Việt Quang	PTLT1Đ22	87.0	Tốt	
13	22B4401120003	Cao Phương Thảo	PTLT1Đ22	94.0	Xuất sắc	
14	22D4401120002	Bùi Ngọc Thắng	PTLT1Đ22	85.0	Tốt	
15	22B4401120013	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	PTLT2Đ22	85.0	Tốt	
16	22B4401120009	Trần Thị Thu Hiền	PTLT2Đ22	90.0	Xuất sắc	
17	22B4401120011	Bùi Thị Lương	PTLT2Đ22	85.0	Tốt	
18	22B4401120010	Trần Thị Lan	PTLT2Đ22	93.0	Xuất sắc	
19	22D4401120003	Trần Bình Biên	PTLT2Đ22	83.0	Tốt	
20	22D4401120004	Lê Tuấn Dũng	PTLT2Đ22	85.0	Tốt	
21	22D4401120005	Đinh Phương Thúy	PTLT2Đ22	83.0	Tốt	
22	22B4401120012	Nguyễn Thị Lý	PTLT2Đ22	88.0	Tốt	
23	22B4401120017	Đỗ Thanh Bình	PTLT2Đ22	85.0	Tốt	
24	22B4401120020	Nguyễn Thị Thương	PTLT2Đ22	85.0	Tốt	
25	22D5103010003	Trịnh Thị Mỹ Hằng	ĐTLT1Đ22	80.0	Tốt	
26	22B5103010017	Vũ Đức Công	ĐTLT1Đ22	78.0	Khá	
27	22B5103010018	Nguyễn Ngọc Hà	ĐTLT1Đ22	76.0	Khá	
28	22B5103010022	Lê Hoàng Quân	ĐTLT1Đ22	78	Khá	
29	22B5103010024	Triệu Trung Sơn	ĐTLT1Đ22	76	Khá	
30	22B5103010025	Hà Thị Thiệt	ĐTLT1Đ22	86	Tốt	
31	22B5103010001	Đỗ Phương Linh	ĐTLT1Đ22	72	Khá	
32	23B5103010005	Hà Quang Điệp	ĐTLT1Đ23	92	Xuất sắc	
33	23B5103010008	Đỗ Anh Quân	ĐTLT1Đ23	83	Tốt	
34	23B5103010009	Ngô Thị Hải Thùy	ĐTLT1Đ23	90	Xuất sắc	
35	23B5103010006	Trần Anh Dũng	ĐTLT1Đ23	81	Tốt	
36	23B5103010007	Nguyễn Quang Hiếu	ĐTLT1Đ23	83	Tốt	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	23B5103010010	Ngô Văn Sơn	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
38	23B5103010004	Nguyễn Xuân Trường	ĐTLT1Đ23	83	Tốt	
39	23B5103010003	Nguyễn Minh Trường	ĐTLT1Đ23	85	Tốt	
40	23B5103010001	Dương Quang Ngọc	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
41	23B5103010002	Tô Văn Thuận	ĐTLT1Đ23	85	Tốt	
42	23B5103010001	Hoàng Quốc Việt	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
43	23B5103010005	Trần Minh Huy	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
44	23B5103010002	Phạm Hồng Việt Anh	ĐTLT1Đ23	82	Tốt	
45	23B5103010018	Phạm Hồng Sơn	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
46	23B5103010014	Quản Thị Nga	ĐTLT1Đ23	85	Tốt	
47	23B5103010012	Nguyễn Văn Hào	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
48	23B5103010004	Diệp Thu Hường	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
49	23B5103010013	Dương Thị Thanh Liễu	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
50	23B5103010003	Ma Thị Hải	ĐTLT1Đ23	84	Tốt	
51	23B5103010017	Trần Minh Khoát	ĐTLT1Đ23	83	Tốt	
52	23B5103010019	Nguyễn Quang Tuyên	ĐTLT1Đ23	85	Tốt	
53	23B5103010006	Đặng Ngọc Khánh	ĐTLT1Đ23	81	Tốt	
54	23B5103010016	Hoàng Ngọc Duy	ĐTLT1Đ23	82	Tốt	
55	23B5103010015	Trần Quốc Vượng	ĐTLT1Đ23	82	Tốt	
56	23B5103010011	Nguyễn Phú Bình	ĐTLT1Đ23	81	Tốt	
57	23B5103010001	Nguyễn Quang Hiệp	ĐTLT1Đ23	82	Tốt	